

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 29/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh Hiền

2. Ông Nguyễn Khắc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2019/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Thôn T 1, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị H và anh Lê Đức T đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị không thể chung sống cùng anh T được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T.

* Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 27/02/2014. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực nuôi dưỡng cháu H1, để anh T nuôi dưỡng cháu N, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Đức T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời chị H trình bày là đúng. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí.

* Về con chung: Anh xác nhận có hai con chung với chị H như lời chị H đã trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu N và cháu H1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Lê Đức T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn T1, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lê Đức T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải, nhưng tại buổi hòa giải, chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh T đã trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh T có hai con chung, là các cháu Lê Minh N, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 27/02/2014. Xét nguyện vọng của chị H muốn được nuôi dưỡng cháu H1, để anh T nuôi dưỡng cháu N, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để các đương sự tự thỏa thuận về việc nuôi con, nhưng các bên không thỏa thuận được. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, xét thấy cả chị H và anh T đều có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ. Do đó HĐXX giao cháu N cho anh T. Giao cháu H1 cho chị H. Chị H, anh T có trách nhiệm mỗi người nuôi dưỡng một con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Đức T

2. Về nuôi con: Giao cháu Lê Minh H1, sinh ngày 27/02/2014 cho chị Hà Thị H. Giao cháu Lê Minh N, sinh ngày 21/5/2011 cho anh Lê Đức T. Chị H, anh T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu H1, N cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H, anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp

theo biên lai số AA/2017/0005005 ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Hà Thị H, anh Lê Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND xã T, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy